

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03/2015/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại đối với môi trường bao gồm: Thu thập dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường, tính toán thiệt hại đối với môi trường và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trong các trường hợp sau đây:

a) Môi trường nước phục vụ mục đích bảo tồn, sinh hoạt, giải trí, sản xuất và mục đích khác bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức nghiêm trọng, bị ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng;

b) Môi trường đất phục vụ cho các mục đích bảo tồn, sản xuất và mục đích khác bị ô nhiễm, bị ô nhiễm ở mức nghiêm trọng, bị ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng;

c) Hệ sinh thái tự nhiên thuộc và không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên bị suy thoái;

d) Loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật bị chết, bị thương.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các trường hợp thiệt hại đối với môi trường do một trong các nguyên nhân sau đây:

- a) Do thiên tai gây ra;
- b) Gây ra bởi trường hợp bất khả kháng, tình thế cấp thiết phải tuân theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của môi trường bị ô nhiễm, suy thoái được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại đối với môi trường

1. Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai xã, thị trấn, thị tứ trở lên;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên;

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

3. Trách nhiệm thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

4. Cơ quan thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường quy định tại Khoản 3 Điều này có trách nhiệm tính toán thiệt hại, xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường và cung cấp kết quả cho cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều này để yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Chương II **DỮ LIỆU, CHỨNG CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI** **ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG**

Điều 4. Dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường

1. Dữ liệu, chứng cứ cần thu thập để xác định tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái bao gồm:

a) Nguồn thải, hoạt động gây sự cố môi trường, xâm hại môi trường trực tiếp hoặc liên quan đến khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái;

b) Thông tin cơ bản về tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái bao gồm: Loại hình hoạt động; sản phẩm, công suất, nguyên liệu đầu vào; quy trình sản xuất; chất thải; điểm xả thải; biện pháp xử lý chất thải; công tác quan trắc, phân tích các thông số môi trường;

c) Dữ liệu, chứng cứ cần thiết khác có liên quan đến khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái.

2. Dữ liệu, chứng cứ cần thu thập hoặc ước tính để tính toán thiệt hại đối với môi trường trong trường hợp nước, đất bị ô nhiễm bao gồm:

- a) Diện tích, thể tích, khối lượng nước, đất bị ô nhiễm;
- b) Chất gây ô nhiễm và hàm lượng của chất gây ô nhiễm trong nước, đất;
- c) Quyết định, giấy phép, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định việc sử dụng hoặc phê duyệt quy hoạch sử dụng các thành phần môi trường nước, đất tại nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái.

3. Dữ liệu, chứng cứ cần thu thập hoặc ước tính để tính toán thiệt hại đối với môi trường trong trường hợp hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái bao gồm:

- a) Diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái;
- b) Mức độ hệ sinh thái bị suy thoái;
- c) Quyết định, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định mức độ bảo tồn của hệ sinh thái tự nhiên.

4. Dữ liệu, chứng cứ cần thu thập hoặc ước tính để tính toán thiệt hại đối với môi trường trong trường hợp loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật bị thương hoặc bị chết bao gồm:

- a) Loài được ưu tiên bảo vệ bị thương, bị chết;
- b) Số cá thể bị thương, bị chết của loài được ưu tiên bảo vệ;
- c) Quyết định, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định mức độ ưu tiên bảo vệ loài.

Điều 5. Hình thức và thời điểm thu thập dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường

1. Dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường có thể dưới hình thức: Hình ảnh, băng từ, dữ liệu thu được từ quan trắc, đo đạc, phân tích, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý và các hình thức khác.

2. Dữ liệu, chứng cứ để tính toán thiệt hại đối với môi trường phải được thu thập hoặc ước tính tại thời điểm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức cao nhất tính từ khi xảy ra hoặc tại thời điểm phát hiện môi trường bị ô nhiễm, suy thoái.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường

1. Việc tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Xác định các loại dữ liệu, chứng cứ cần thiết để xác định thiệt hại đối với môi trường và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường;

b) Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá, đo đạc để thu thập dữ liệu, chứng cứ;

c) Tổ chức hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ thu thập được.

2. Hội đồng thẩm định chứng cứ, dữ liệu xác định thiệt hại đối với môi trường phải có không ít hơn 30% số thành viên là các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường; không ít hơn 30% số thành viên là cán bộ làm công tác quản lý; đại diện chính quyền địa phương nơi thu thập chứng cứ, dữ liệu; đại diện cộng đồng dân cư và các thành phần liên quan.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá, đo đạc để thu thập dữ liệu, chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ.

Điều 7. Hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường

1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường bao gồm:

a) Văn bản yêu cầu bồi thường thiệt hại của cơ quan có trách nhiệm quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 và Khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

c) Văn bản kết luận của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ;

d) Kết quả tính toán thiệt hại đối với môi trường và kết luận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường.

Điều 8. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, Ủy ban nhân dân các cấp tại khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái có trách nhiệm hợp tác, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các dữ liệu, chứng cứ theo yêu cầu của cơ quan tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 9. Chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường

1. Chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại là các chi phí thực tế, hợp lý cho các hoạt động mà cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành nhằm tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ phục vụ xác định thiệt hại đối với môi trường và thực hiện các thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường.

2. Trong quá trình xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại, cơ quan tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này có trách nhiệm ứng trước kinh phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại, tổng hợp các chi phí đó làm cơ sở yêu cầu tổ chức, cá nhân gây thiệt hại hoàn trả trong quá trình giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định chi tiết về chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Chương III TÍNH TOÁN THIẾT HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Nguyên tắc tính toán thiệt hại đối với môi trường

1. Việc tính toán thiệt hại đối với môi trường căn cứ vào chi phí khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường tại nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái để đạt các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất lượng môi trường nước, chất lượng môi trường đất; chi phí để phục hồi hệ sinh thái và loài được ưu tiên bảo vệ về bằng hoặc tương đương với trạng thái ban đầu.

2. Việc tính toán thiệt hại đối với môi trường dựa trên các dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này.

3. Thiệt hại đối với môi trường của một khu vực địa lý bằng tổng thiệt hại đối với từng thành phần môi trường của khu vực địa lý đó.

Điều 11. Tính toán thiệt hại đối với môi trường

1. Tổng thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý được tính theo công thức sau đây:

$$T = T^N + T^D + T^{HST} + T^{LBV}, \text{ trong đó:}$$

T là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý;

T^N là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước;

T^D là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất;

T^{HST} là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái;

T^{LBV} là thiệt hại gây ra đối với loài được ưu tiên bảo vệ do ô nhiễm, suy thoái hoặc do bị xâm hại.

2. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước được quy định như sau:

a) Trường hợp môi trường nước chỉ được quy định sử dụng cho một mục đích và chỉ bị ô nhiễm ở một mức độ, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra được tính theo công thức sau đây:

$$T_{ij}^N = C_i^N \times W_{ij}^N \times H_j^N, \text{ trong đó:}$$

i là mục đích sử dụng môi trường nước căn cứ theo quyết định, giấy phép, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng hoặc phê duyệt quy hoạch sử dụng môi trường nước tại nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái, có giá trị từ 1 đến 7 theo quy định tại Phụ lục I Nghị định này;

j là mức độ ô nhiễm của môi trường nước căn cứ theo dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này, có giá trị từ 1 đến 3 tương ứng với các mức độ bị ô nhiễm, bị ô nhiễm nghiêm trọng và bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng;

T_{ij}^N là thiệt hại đối với môi trường nước có mục đích sử dụng (i) bị ô nhiễm ở mức độ (j);

C_i^N là hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mục đích sử dụng môi trường nước được quy định tại Phụ lục I Nghị định này;

W_{ij}^N là tổng lượng nước sử dụng cho mục đích (i) bị ô nhiễm ở mức độ (j) được xác định, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này;

H_j^N là định mức chi phí xử lý một đơn vị diện tích, thể tích hoặc khối lượng nước bị ô nhiễm ở mức độ (j) đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất lượng môi trường nước;

b) Trường hợp môi trường nước chỉ được quy định sử dụng cho một mục đích nhưng bao gồm các vùng nước bị ô nhiễm ở các mức độ khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước bằng tổng thiệt hại đối với từng vùng nước có mức độ ô nhiễm khác nhau đó, được tính theo công thức sau đây:

$$T_i^N = \sum_{j=1}^3 T_{ij}^N, \text{ trong đó:}$$

T_i^N là thiệt hại đối với môi trường nước được quy định sử dụng cho mục đích (i);

c) Trường hợp môi trường nước được quy định sử dụng cùng lúc cho nhiều mục đích khác nhau thì áp dụng hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mục đích sử dụng có giá trị cao nhất để tính thiệt hại theo công thức tại các Điểm a và b Khoản này;

d) Trường hợp môi trường nước được chia thành nhiều vùng cho các mục đích sử dụng khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước bằng tổng các thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng vùng của môi trường nước đó.

Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng vùng của môi trường nước được tính theo các công thức quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này và căn cứ vào dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này.

3. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất được quy định như sau:

a) Trường hợp môi trường đất chỉ được quy định sử dụng cho một mục đích và bị ô nhiễm ở một mức độ, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất được tính theo công thức sau đây:

$$T_{ij}^D = C_i^D \times W_{ij}^D \times H_j^D, \text{ trong đó:}$$

i là mục đích sử dụng môi trường đất căn cứ theo quyết định, giấy phép, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng hoặc phê duyệt quy hoạch sử dụng môi trường đất tại nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái, có giá trị từ 1 đến 5 theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này;

j là mức độ ô nhiễm của môi trường đất căn cứ theo dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này, có giá trị từ 1 đến 3 tương ứng với các mức độ bị ô nhiễm, bị ô nhiễm nghiêm trọng và bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng;

T_{ij}^D là thiệt hại đối với môi trường đất có mục đích sử dụng (i) bị ô nhiễm ở mức độ (j);

C_i^D là hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mục đích sử dụng môi trường đất được quy định tại Phụ lục II Nghị định này;

W_{ij}^D là tổng lượng đất sử dụng cho mục đích (i) bị ô nhiễm ở mức độ (j) được xác định, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này;

H_j^D là định mức chi phí xử lý một đơn vị diện tích, thể tích hoặc khối lượng đất bị ô nhiễm ở mức độ (j) đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất lượng môi trường đất;

b) Trường hợp môi trường đất chỉ được quy định sử dụng cho một mục đích (i) nhưng bao gồm các vùng đất bị ô nhiễm ở các mức độ khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất bằng tổng thiệt hại đối với từng vùng đất có mức độ ô nhiễm khác nhau đó, được tính theo công thức sau đây:

$$T_i^D = \sum_{j=1}^3 T_{ij}^D, \text{ trong đó:}$$

T_i^N là thiệt hại đối với môi trường đất được quy định sử dụng cho mục đích (i);

c) Trường hợp môi trường đất được quy định sử dụng cùng lúc cho nhiều mục đích khác nhau thì áp dụng hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mục đích sử dụng có giá trị cao nhất để tính thiệt hại theo công thức tại các Điểm a và b Khoản này;

d) Trường hợp môi trường đất được chia thành nhiều vùng cho các mục đích sử dụng khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất bằng tổng các thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng vùng của môi trường đất đó.

Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng vùng của môi trường đất được tính theo các công thức quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này và căn cứ vào dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này.

4. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái được quy định như sau:

a) Trường hợp hệ sinh thái chỉ được quy định một mức độ bảo tồn và bị suy thoái ở một mức độ, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái được tính theo công thức sau đây:

$$T_{ij}^{HST} = C_i^{HST} \times D_j^{HST} \times W_{ij}^{HST} \times H_i^{HST}, \text{ trong đó:}$$

i là mức độ bảo tồn của hệ sinh thái theo quyết định, văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, có giá trị từ 1 đến 4 theo quy định tại Phụ lục III Nghị định này;

j là mức độ bị suy thoái của hệ sinh thái căn cứ theo dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này và theo quy định của pháp luật về xác định mức độ bị suy thoái của hệ sinh thái;

C_i^{HST} là hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mức độ bảo tồn của hệ sinh thái được quy định tại Phụ lục III Nghị định này;

D_j^{HST} là hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mức độ bị suy thoái của hệ sinh thái theo quy định của pháp luật;

W_{ij}^{HST} là tổng diện tích hệ sinh thái được quy định có mức độ bảo tồn (i) bị suy thoái ở mức độ (j) được xác định, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này;

H_i^{HST} là định mức chi phí phục hồi một đơn vị diện tích hệ sinh thái được quy định có mức độ bảo tồn (i) bị suy thoái;

b) Trường hợp hệ sinh thái chỉ được quy định một mức độ bảo tồn nhưng bao gồm các vùng bị suy thoái ở các mức độ khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái bằng tổng thiệt hại của các vùng bị suy thoái ở các mức độ khác nhau đó, được tính theo công thức sau đây:

$$T_i^{HST} = \sum_{j=1}^n T_{ij}^{HST}, \text{ trong đó:}$$

T_i^{HST} là thiệt hại đối với hệ sinh thái được quy định mức độ bảo tồn (i);

n là tổng số mức độ bị suy thoái theo quy định của pháp luật về xác định mức độ bị suy thoái của hệ sinh thái;

c) Trường hợp hệ sinh thái được chia thành nhiều vùng với các mức độ bảo tồn khác nhau, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái bằng tổng các thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với các vùng đó.

Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng vùng của hệ sinh thái được tính theo các công thức quy định tại các Điểm a và b Khoản này và căn cứ vào dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này.

5. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với loài được ưu tiên bảo vệ được quy định như sau:

a) Trường hợp một loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật có cá thể bị chết, bị thương thì thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với loài được ưu tiên bảo vệ đó được tính theo công thức sau đây:

$$T_k^{LBV} = C_k^{LBV} \times W_k^{LBVc} \times H_k^{LBVc} + C_k^{LBV} \times W_k^{LBVi} \times H_k^{LBVi}, \text{ trong đó:}$$

k là loài được ưu tiên bảo vệ có cá thể bị chết, bị thương do môi trường bị ô nhiễm, suy thoái hoặc do bị xâm hại;

C_k^{LBV} là hệ số điều chỉnh thiệt hại theo mức độ được ưu tiên bảo vệ của loài (k) được quy định tại Phụ lục IV Nghị định này;

W_k^{LBVc} là số lượng cá thể loài được ưu tiên bảo vệ (k) bị chết được xác định, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này;

H_k^{LBVc} là định mức chi phí phục hồi, thay thế một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ (k) bị chết;

W_k^{LBVi} là số lượng cá thể loài được ưu tiên bảo vệ (k) bị thương được xác định, ước tính, thẩm định theo quy định tại Nghị định này;

H_k^{LBVi} là định mức chi phí cứu hộ, chăm sóc để hồi phục sức khỏe một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ (k) bị thương;

b) Trường hợp nhiều loài được ưu tiên bảo vệ có cá thể bị chết, bị thương, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với loài được ưu tiên bảo vệ bằng tổng các thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, hành vi xâm hại gây ra đối với từng loài được ưu tiên bảo vệ.

Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với từng loài được ưu tiên bảo vệ được tính theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này.

Điều 12. Mức độ hệ sinh thái bị suy thoái và định mức chi phí khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định mức độ hệ sinh thái bị suy thoái để tính toán thiệt hại đối với môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định định mức chi phí xử lý một đơn vị diện tích, thể tích hoặc khối lượng nước, đất bị ô nhiễm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất lượng môi trường nước, đất quy định tại các Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định này; định mức chi phí phục hồi một đơn vị diện tích hệ sinh thái bị suy thoái quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 11 Nghị định này; định mức chi phí phục hồi, thay thế một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ bị chết và định mức chi phí cứu hộ, chăm sóc để hồi phục sức khỏe một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ bị thương theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định này làm căn cứ để tính toán thiệt hại đối với môi trường.

Chương IV
XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Điều 13. Nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường

1. Việc xác định tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái được thực hiện theo các nguyên tắc chính sau đây:

a) Ô nhiễm, suy thoái ở một khu vực địa lý tự nhiên do các nguồn phát sinh chất thải hoặc các hành vi xâm hại tại khu vực đó hoặc không tại khu vực đó nhưng tác động xấu đến khu vực đó;

b) Có cơ sở khoa học về tồn tại mối liên hệ giữa các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh từ nguồn thải hoặc hành vi xâm hại với tình trạng suy giảm chức năng và tính hữu ích của môi trường;

c) Việc xác định tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải đảm bảo kịp thời và công bằng.

2. Tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với môi trường do mình gây ra, đồng thời phải chi trả toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại cho cơ quan đã ứng trước kinh phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường, trách nhiệm chi trả chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại của từng tổ chức, cá nhân được xác định tương ứng với tỷ lệ gây thiệt hại trong tổng thiệt hại đối với môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu và chứng minh được rằng không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường thì không phải bồi thường thiệt hại đối với môi trường và không phải chịu các chi phí liên quan đến xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn trình tự, thủ tục chứng minh tổ chức, cá nhân không gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 14. Giải quyết bồi thường thiệt hại đối với môi trường

1. Trên cơ sở dữ liệu, chứng cứ và kết quả tính toán thiệt hại, cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này quyết định giải quyết bồi thường theo các hình thức sau đây:

- a) Thỏa thuận việc bồi thường với người gây thiệt hại;
- b) Yêu cầu trọng tài giải quyết;
- c) Khởi kiện tại tòa án.

2. Cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được sử dụng khoản bồi thường sau khi trừ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại để đầu tư khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải tạo môi trường nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái.

3. Trường hợp ô nhiễm, suy thoái xảy ra trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thì khoản bồi thường thiệt hại sau khi trừ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại được chuyển về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để đầu tư khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải tạo môi trường nơi xảy ra ô nhiễm, suy thoái.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 và thay thế cho Nghị định số 113/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.

2. Các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường dẫn đến thiệt hại đối với môi trường xảy ra trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 có hiệu lực mà chưa bồi thường thiệt hại thì việc xác định thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại được thực hiện theo các quy định của Nghị định này.

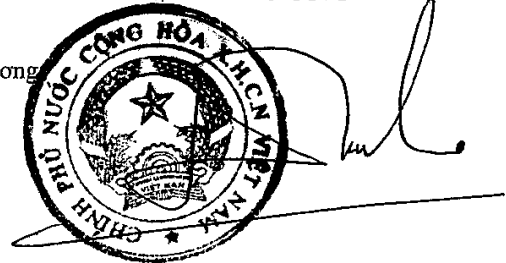
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG




Nguyễn Tấn Dũng

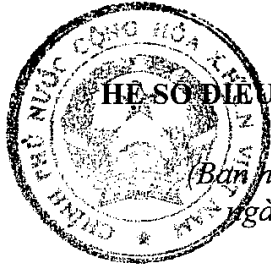


Phụ lục I
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH THIẾT HẠJ
THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC (C_i^N)
(Ban hành kèm theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP
ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ)

Mục đích sử dụng môi trường nước (i)	Hệ số điều chỉnh (C_i^N)
Thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=1)	5
Thuộc các phân khu khác của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=2)	3
Thuộc vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=3)	2
Phục vụ sinh hoạt (i=4)	2
Phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (i=5)	1,5
Phục vụ vui chơi giải trí (i=6)	1,5
Phục vụ mục đích khác hoặc chưa được quy hoạch (i=7)	1

**Phụ lục II**
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH THIẾT HẠ
THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG MÔI TRƯỜNG ĐẤT (C_i^D)
*(Ban hành theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP
ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ)*

Mục đích sử dụng môi trường đất (i)	Hệ số điều chỉnh (C_i^D)
Thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=1)	5
Thuộc các phân khu khác của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=2)	3
Thuộc vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (i=3)	2
Phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (i=4)	1,5
Phục vụ mục đích khác hoặc chưa được quy hoạch (i=5)	1



Phụ lục III
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH THIẾT HẠI THEO MỨC ĐỘ BẢO TỒN
CỦA HỆ SINH THÁI (C_i^{HST})

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP
ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ)*

Mức độ bảo tồn của hệ sinh thái (i)	Hệ số điều chỉnh (C_i^{HST})
1. Khu bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng	
a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (i=1)	5
b) Phân khu khác (i=2)	3
c) Vùng đệm (i=3)	2
2. Hệ sinh thái tự nhiên khác không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên (i=4)	1



Phụ lục IV

BIỂU CHỈNH THIẾT HẠI THEO
MỨC ĐỘ ƯU TIÊN BẢO VỆ LOÀI (C_k^{LBV})

Được ban hành theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP
ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ

Mức độ bảo vệ	Hệ số điều chỉnh (C_k^{LBV})
Loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	10
Loài thuộc Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên	8
Loài thuộc Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên	6
Các loài được ưu tiên bảo vệ khác theo quy định của pháp luật	4